

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2025

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Chiến Trục

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền

2. Ông Nguyễn Văn Hết

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 185/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1957.

Nơi cư trú: ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

Bị đơn: bà Trịnh Thị Kim N, sinh năm 1956.

Nơi cư trú: ấp Th, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông và ông Trịnh Thị Kim N tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/10/1996. Sau khi kết hôn, bà N sống cùng với cha, mẹ của bà N tại xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam. Năm 1998, bà N về sống cùng với ông tại xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2005 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân, không còn quan tâm nhau. Năm 2005, ông bệnh nặng cần tiền điều trị nhưng bà N bỏ mặc, không bán đất để lấy tiền

điều trị bệnh cho ông, vì vậy ông đã khởi kiện để yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông với bà N và được Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam giải quyết bằng bản án số 39/2024/DS-ST ngày 19/4/2024, bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Nay ông xác định không còn tình cảm với ông Trịnh Thị Kim N nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: ông và ông Trịnh Thị Kim N có 02 con chung đã trưởng thành Nguyễn Hữu H, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1987 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông và ông Trịnh Thị Kim N không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: ông và ông Trịnh Thị Kim N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc và vì lý do sức khỏe nên ông không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, ông có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ bà Trịnh Thị Kim N đến để tiến hành hòa giải nhưng bà N vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn V khởi kiện bà Trịnh Thị Kim N để yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trịnh Thị Kim N là bị đơn cư trú tại huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn V có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trịnh Thị Kim N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà N vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn V và bà Trịnh Thị Kim N tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Thới

A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/10/1996. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông V cho rằng sau khi kết hôn, bà N sống cùng với cha, mẹ của bà N tại xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam. Năm 1998, bà N về sống cùng với ông tại xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2005 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân, không còn quan tâm nhau. Năm 2005, ông bệnh nặng cần tiền điều trị nhưng bà N bỏ mặc, không bán đất để lấy tiền điều trị bệnh cho ông, vì vậy ông đã khởi kiện để yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông với bà N và được Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam giải quyết bằng bản án số 39/2024/DS-ST ngày 19/4/2024, bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập bà N để tham gia phiên hòa giải nhưng bà N vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông V thể hiện bà N không muốn hàn gắn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa ông V và bà N là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn V đối với bà Trịnh Thị Kim N.

[3.2] Về con chung: ông V và bà N có 02 con chung tên Nguyễn Hữu H, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1987 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: ông V khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: ông V khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: ông Nguyễn Văn V là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên ông V được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V đối với bị đơn bà Trịnh Thị Kim N, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn V được ly hôn bà Trịnh Thị Kim N.

2. Về con chung: con chung là Nguyễn Hữu H, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1987 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: ông Nguyễn Văn V khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: ông Nguyễn Văn V khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: ông Nguyễn Văn V được miễn nộp.

6. Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Văn V và bà Trịnh Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Thành Thới A, H. Mô Cày Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Mai Chiến Trực

